

Số: 32/QĐ-UBND

Sơn Ninh, ngày 03 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu thu chi ngân sách quý I năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 /6 /2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ cuộc họp HĐND huyện ngày 18/12/2024 của UBND huyện Hương Sơn về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho xã Sơn Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND, ngày 25/12/2024 của HĐND xã Sơn Ninh về việc phân bổ dự toán thu, chi Ngân sách năm 2024;

Theo đề nghị của Ban tài chính ngân sách xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách Quý I năm 2025 của xã Sơn Ninh (Theo các biểu mẫu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng UBND xã, Ban Tài chính ngân sách xã tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Tài chính - Kế toán (gián niêm yết tại trụ sở);
- Lưu: VP-UBND, TC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Anh Hào

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai dự toán thu chi ngân sách xã năm 2025

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 về việc niêm yết công khai số liệu số liệu thu chi ngân sách xã quý I năm 2025.

I. Thời gian: ngày 03 tháng 4 năm 2025

II. Địa điểm: Tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Sơn Ninh

III. Thành phần:

- | | |
|--------------------------|--------------------------------------|
| 1. Ông: Phạm Anh Hào | Chức vụ: Chủ tịch UBND xã |
| 2. Bà: Nguyễn Thị Trang | Chức vụ: Công chức Tài chính –KT |
| 3. Bà: Hồ Thị Hoài Thu | Chức vụ: Công chức văn phòng |
| 4. Ông: Uông Tự Cường | Chức vụ: Công chức Tư pháp - Hộ tịch |
| 5. Bà: Đặng Thị Khánh Ly | Chức vụ: Trưởng ban thanh tra ND |

IV. Nội dung:

1. Ông Phạm Anh Hào- Chủ tịch UBND xã thông qua Quyết định số : 32/QĐ-UBND xã ngày 03/4/2025 về việc công khai số liệu thu chi ngân sách xã quý I năm 2025

2. Thông báo các nội dung công khai:

Công khai số liệu số liệu thu chi ngân sách xã quý I năm 2025 (Theo phụ lục đính kèm)

3. Hình thức công khai:

- Thông báo trước Cán bộ, công chức, thôn trưởng 9 thôn
- Niêm yết tại Trụ sở uỷ ban nhân dân xã Sơn Ninh, nhà văn hoá 9 thôn và cổng thông tin điện tử của xã.

4. Địa điểm, thời gian niêm yết:

- Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Sơn Ninh, nhà văn hoá 9 thôn

Nguyễn Thị Trang

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2025

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
1	TỔNG SỐ THU	10.323.904.000	3.287.737.000	31,85
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	125.000.000	1.180.000	0,94
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.455.200.000	51.662.000	3,55
3	Thu bổ sung	8.743.704.000	2.974.936.000	34,02
	- <i>Bổ sung cân đối ngân sách</i>	8.743.704.000	2.185.926.000	25,00
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>		789.010.000	
4	Thu chuyển nguồn		259.959.000	
II	TỔNG SỐ CHI	10.323.904.000	2.827.042.000	27,38
1	Chi đầu tư phát triển	1.350.000.000	346.919.000	
2	Chi thường xuyên	8.797.955.000	2.480.123.000	28,19
3	Dự phòng	175.949.000		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2025

ĐVT: Đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN		ƯỚC THỰC HIỆN		SO SÁNH %	
	THU NSNN	THU NSX HƯỞNG	THU NSNN	THU NSX HƯỞNG	THU NSNN	THU NSX HƯỞNG
Tổng số thu	12.027.704.000	10.323.904.000	3.308.947.876	3.287.737.000	27,51	31,85
I. Các khoản thu 100%	125.000.000	125.000.000	1.180.000	1.180.000	0,94	0,94
1. Phí, lệ phí	15.000.000	15.000.000	1.180.000	1.180.000	7,87	7,87
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	75.000.000	75.000.000	0	0	0,00	0,00
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6. Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8. Thu khác	35.000.000	35.000.000			0,00	0,00
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	3.159.000.000	1.455.200.000	72.872.876	51.662.000	2,31	3,55
1. Các khoản thu phân chia	45.000.000	36.200.000			0,00	0,00
1.1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			0	0		

1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình								
1.3. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh				4.300.000	4.300.000			
1.4. Lệ phí trước bạ nhà, đất	45.000.000	36.200.000	2.375.000	1.900.000	5,28	5,25		
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	3.114.000.000	1.419.000.000			0,00	0,00		
2.1. Thu tiền sử dụng đất	3.000.000.000	1.350.000.000	0	0	0,00	0,00		
2.2. Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước	4.000.000	1.000.000	0	0	0,00	0,00		
2.3. Thuế tài nguyên			0					
2.4. Thuế giá trị gia tăng; thu nhập doanh nghiệp	110.000.000	68.000.000	66.197.876	45.462.000	60,18	66,86		
2.5. Thuế thu nhập cá nhân								
2.7. Cấp phép khai thác khoáng sản								
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã								
IV. Thu chuyển nguồn			259.959.000	259.959.000				
V. Thu kết dư ngân sách năm trước								
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.743.704.000	8.743.704.000	2.974.936.000	2.974.936.000	34,02	34,02		
1. Bổ sung cân đối ngân sách	8.743.704.000	8.743.704.000	2.185.926.000	2.185.926.000	25,00	25,00		
2. Bổ sung có mục tiêu			789.010.000	789.010.000				



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN SƠN NINH

Biểu số: 115/CKTC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2025

TT		NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN			SO SÁNH %		
			TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN
		TỔNG CHI	10.323.904.000	1.350.000.000	8.973.904.000	2.827.042.000	346.919.000	2.480.123.000	27,38	25,70	27,64
		Trong đó:	10.323.904.000	1.350.000.000	8.973.904.000	2.827.042.000	346.919.000	2.480.123.000	27,38	25,70	27,64
1		Chi an ninh, quốc phòng	394.613.000		394.613.000	137.783.000		137.783.000	34,92		34,92
2		Chi giáo dục	0			0					
3		Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0			0					
4		Chi y tế	0			0					
5		Chi văn hóa, thông tin	98.000.000		98.000.000	0			0,00		0,00
6		Chi phát thanh, truyền thanh	30.000.000		30.000.000	0			0,00		0,00
7		Chi thể dục thể thao	70.000.000		70.000.000	28.600.000		28.600.000	40,86		40,86
8		Chi bảo vệ môi trường	70.000.000		70.000.000	10.000.000		10.000.000	14,29		14,29
9		Chi các hoạt động kinh tế	622.458.995	341.450.995	281.008.000	447.373.000	218.435.000	228.938.000	71,87		81,47
10		Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	8.075.318.005	558.549.005	7.516.769.000	2.108.352.000	128.484.000	1.979.868.000	26,11	23,00	26,34
11		Chi cho công tác xã hội	220.832.000		220.832.000	34.554.000		34.554.000	15,65		15,65
12		Chi khác	116.733.000		116.733.000	60.380.000		60.380.000			51,72
13		Dự phòng	175.949.000		175.949.000	0			0,00		0,00

ĐVT: Đồng